

25. Makara sinh ra Naga, đá.

LSb 19863.

C: 51cm; R: 34cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Makara bắt đầu chuyển dần thành mô típ ngọn lửa, nhưng vẫn giữ những chi tiết của phong cách Trà Kiệu: môi trên hình vòi voi, tai lợn ... Đây là bộ phận trang trí kiến trúc ở góc các tầng tháp.

26. Bệ sen, đá. LSb 21190.

C: 48cm; R: 82cm.

Thế kỷ 10.

Quảng Nam.

Bệ hình chữ nhật, ở giữa hình nhụy sen tròn mặt phẳng, xung quanh chạm nổi hình cánh sen đầu nhọn gồm hai lớp, cánh to xen lẫn cánh nhỏ, bốn góc tạo 4 hình lá gập cách điệu, bốn cạnh chạm hình bông hoa trong lá đề.

27. Thân chim thần Garuda, đá. LSb 21191.

C: 64cm; R: 115cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Hai cánh xoè rộng, hai bàn tay mập gối ngang ngực, ngực to căng tròn trông rất sống động, vòng cổ với hai lớp hình tròn và lá lật xoắn trễ xuống ngực.

28. Đầu chim thần Garuda, đá. LSb 21195.

C: 37,5cm; R: 38,5cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Đầu đội mũ kirira - mukuta nhiều tầng, được trang trí bằng những cánh hoa đầu nhọn, mắt tròn to, cung mày cong nổi, tai đeo vòng hình lá đề.

29. Chim thần Garuda, đá.

C: 58cm; R: 49cm.

Thế kỷ 10.

Đầu đội mũ Kirira - mukuta nhiều tầng, được trang trí

bằng những cánh hoa đầu nhọn, tai đeo bông hoa tròn to, cổ đeo vòng hình lá lật xoắn.

30. Mặt sư tử, đá. LSb 19871.

C: 36cm; R: 32,5cm.

Thế kỷ 10.

Cặp sừng ngắn, cung mày nổi cao, đầu giống đầu kala, mắt lồi, má và môi trên nổi cục, miệng há nhỏ để hở hàm răng.

31. Sư tử, đá. LSb 21208.

C: 72,5cm; R: 29cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Sư tử đứng thẳng bằng hai chân sau, động tác sống động, đầu giống đầu Kala, cặp sừng ngắn, mắt lồi, miệng há, bờm tạo bởi những hoạ tiết hình xoắn, có mang dấu hiệu của giống đực. Sư tử được trang trí ở chân cột.

32. Sư tử, đá. LSb 21204.

C: 73cm; R: 32,5cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Sư tử đứng thẳng bằng hai chân sau, với những động tác sống động, đầu giống đầu Kala, cặp sừng ngắn, cặp mắt to, miệng há, bờm tạo bởi những hoạ tiết hình xoắn, đuôi dài cong vắt sang bên hông, có mang dấu hiệu của giống đực. Sư tử được trang trí ở chân cột.

33. Sư tử, đá. LSb 23679.

C: 66,5cm; R: 38cm.

Thế kỷ 10.

Mang những nét đặc trưng của phong cách Trà Kiệu (giống hình N30, 31).

34. Sư tử, đá. LSb 19864.

C: 76cm; R: 28cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Mang những nét đặc trưng (giống hình N30, 31).

35. Sư tử, đá. LSb 19871.

C: 71cm; R: 30cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Giống hình sư tử ở những hình xoắn.

36. Sư tử, đá. LSb 21208.

C: 65cm; R: 30cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Mang những nét đặc trưng (giống hình sư tử ở những hình xoắn).

37. Sư tử, đá. LSb 21208.

C: 46cm; R: 34cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Tượng được thể hiện chân, đầu kala, thực.

38. Sư tử, đá. LSb 21208.

C: 34cm; D: 41cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Tượng được thể hiện đầu quay lại phía sau.

39. Sư tử, đá. LSb 21208.

C: 35cm; D: 41cm.

Thế kỷ 10.

Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Tượng được thể hiện đầu quay lại phía sau.